

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/DS -ST
Ngày: 03 tháng 7 năm 2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm
2. Ông Trương Văn Hơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần C

Địa chỉ: Số M, Quận H, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt T, sinh năm xxxx – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T

Địa chỉ: Số H, Phường N, TP. M, tỉnh Tiền Giang

(Theo Quyết định v/v ủy quyền tham gia tố tụng số 1122/QĐ-BIDV.TG ngày 25/10/2019)

Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm xxxx (Có mặt)

Chức vụ: Cán bộ quan hệ khách hàng – Phòng giao dịch G

Địa chỉ: Số M, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang
(Theo Văn bản ủy quyền số 930/UQ-CNTG-PGD ngày 26/11/2019)

2. Bị đơn:

- 1). Ông Huỳnh Văn L, sinh năm xxxx (vắng mặt)
- 2). Bà Võ Thị Mỹ T, sinh năm xxxx (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/. Anh Huỳnh Thanh M, sinh năm: xxxx (vắng mặt)
- 2/. Chị Huỳnh Thị Như T, sinh năm: xxxx (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C (Ngân hàng) do ông Bùi Văn Đ đại diện trình bày:*

- Ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị Mỹ T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần C các hợp đồng tín dụng sau:

- Ngày 11 tháng 01 năm 2016, vay bằng Hợp tín dụng số: 007/2016 – HĐTD/NCT760, số tiền vay là 850.000.000 đồng; Mục đích vay: Bu đắp chi phí mua tàu cá TG – 91114-TS; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/01/2021; Lãi suất cho vay trong hạn: 11.90%/năm; Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Phương thức trả gốc, lãi: trả lãi hàng tháng, tiền gốc 03 tháng trả một lần;

- Ngày 06 tháng 12 năm 2017, vay bằng Hợp tín dụng số: 17289/2017–HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH, số tiền vay là 1.750.000.000 đồng; Mục đích vay: Bu đắp chi phí mua tàu cá TG – 92224-TS; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/12/2024; Lãi suất cho vay trong hạn: 10.00%/năm ưu đãi trong hai năm đầu, sau đó áp dụng lãi suất theo quy định của NHCT; Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Phương thức trả gốc, lãi: trả lãi hàng tháng, tiền gốc 03 tháng trả một lần;

- Ngày 09 tháng 02 năm 2018, vay bằng Hợp tín dụng số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bu đắp chi phí tu bổ sửa chữa tàu cá TG – 92224-TS; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/02/2023; Lãi suất cho vay trong hạn: 10.00%/năm ưu đãi trong hai năm đầu, sau đó áp dụng lãi suất theo quy định của NHCT; Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Phương thức trả gốc, lãi: trả lãi hàng tháng, tiền gốc 03 tháng trả một lần;

- Ngày 05 tháng 9 năm 2018, vay bằng Hợp tín dụng số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760, số tiền vay là 500.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung

chi phí khai thác thủy hải sản; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 29/5/2019; Lãi suất cho vay trong hạn: 10.50%/năm; Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Phương thức trả gốc, lãi: trả lãi hàng tháng, vốn gốc trả theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng;

- Ngày 29 tháng 5 năm 2019, vay bằng Hợp tín dụng số: 19138/2019 – HĐCVHM/NHCT760, số tiền vay là 650.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung chi phí khai thác thủy hải sản; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 29/5/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 10.50%/năm; Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Phương thức trả gốc, lãi: trả lãi hàng tháng, vốn gốc trả theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng;

Ngân hàng đã giải ngân cho ông L, bà T.

Tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 8, diện tích 58.6m² (đất ở tại đô thị), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00444 QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Võ Thị Mỹ T (theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 261-01/2015/HĐTC ngày 23/11/2015);

- Tàu cá số đăng ký TG-91114 –TS theo giấy chứng nhận tàu cá số 51/2017 do Chi cục Thủy sản T cấp ngày 19/01/2017 cho ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị Mỹ T (theo hợp đồng thế chấp động sản số 007/2016/HĐTC ngày 11/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 007/2016/HĐTC – SDDBS/NHCT760 ngày 11/4/2017);

- Tàu cá số đăng ký TG-92224 –TS theo giấy chứng nhận tàu cá số 44/2018 do Chi cục Thủy sản T cấp ngày 01/02/2018 cho ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị Mỹ T (theo hợp đồng thế chấp động sản số 17289/2017/HĐTC/NHCT760 ngày 01/12/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 17289/2017/HĐTC/NHCT760-SDBS01 ngày 07/02/2018);

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo thanh toán nợ quá hạn cho ông L và bà T. Tuy nhiên, vợ chồng ông L và bà T không thực hiện. Tính đến ngày 03/7/2020 ông L, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi tổng cộng là 3.235.886.802 đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số: 007/2016 – HĐTD/NCT760 ngày 11/01/2016, còn nợ vốn gốc là 255.000.000 đồng và tiền lãi là 31.124.699 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số: 17289/2017– HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH ngày 06/12/2017, còn nợ vốn gốc là 1.325.000.000 đồng và tiền lãi là 129.364.727 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760 ngày 09/02/2018, còn nợ vốn gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 67.008.217 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 05/9/2018, còn nợ vốn gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 67.317.308 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số: 19138/2019 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 29/5/2019, còn nợ vốn gốc là 145.000.000 đồng và tiền lãi là 16.071.850 đồng;

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông L, bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông L, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên xử lý các tài sản thế chấp để cân trừ nợ

** Bị đơn ông Huỳnh Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn L xác định:*

Ông và vợ là bà Võ Thị Mỹ T có vay của Ngân hàng TMCP C từ năm 2016 đến năm 2019, hiện còn nợ của Ngân hàng số tiền vốn gốc là 2.925.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo tạm tính của Ngân hàng đến ngày 31/12/2019 là 132.958.791 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 3.057.958.791 đồng (Ba tỷ không trăm năm mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi một đồng). Đồng thời, có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa số 27, tờ bản đồ số 8, đất tại Khu phố Chợ 2, thị trấn Vàm Láng, huyện G do Võ Thị Mỹ T đứng tên sử dụng và 02 tàu cá TG - 92224-TS và TG - 91114-TS do Huỳnh Văn L và Võ Thị Mỹ T đứng tên chủ sở hữu

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả vốn gốc và lãi tạm tính với số tiền nêu trên và lãi tiếp tục theo hợp đồng đến khi thanh toán dứt nợ. Ông L đồng ý trả số tiền vốn, lãi như Ngân hàng yêu cầu nhưng xin Ngân hàng cho trả trong thời hạn 03 tháng (đến cuối tháng 3/2020) hoàn tất nợ. Nếu hết thời hạn nêu trên mà ông không thực hiện việc trả nợ thì đồng ý giao các tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ.

** Bị đơn bà Võ Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng bà T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình;*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Thanh M và chị Huỳnh Thị Như T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh M, chị T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình*

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ

khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị Mỹ T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Huỳnh Văn L, bà Võ Thị Mỹ T, anh Huỳnh Thanh M và chị Huỳnh Thị Như T đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 007/2016 – HĐTD/NCT760 ngày 11/01/2016, số: 17289/2017– HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH ngày 06/12/2017, số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760 ngày 09/02/2018, số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 05/9/2018, số: 19138/2019 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 29/5/2019 giữa ông Huỳnh Văn L, bà Võ Thị Mỹ T và Ngân hàng Thương mại cổ phần C nay có tranh chấp cần áp dụng điểm b, khoản 1 điều 688 BLDS 2015 để giải quyết;

[2.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các hợp đồng tín dụng. Tòa án xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Khi tham gia ký kết Hợp đồng, các bên đều hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của Hợp đồng phù hợp với ngành nghề đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng, phù hợp nguyện vọng của các bên nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng;

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp bất động sản; giấy nhận nợ; lời khai của đại diện nguyên đơn, bị đơn xác định:

- Ngày 11/01/2016, bà Võ Thị Mỹ T ký hợp đồng tín dụng số: 007/2016 – HĐTD/NCT760 về việc Ngân hàng cho bà T vay số tiền 850.000.000 đồng, mục đích vay: Bù đắp chi phí mua tàu TG-91114-TS và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 11/01/2016, số tiền nợ gốc được hoàn trả định kỳ 03 tháng/lần; số tiền lãi trả hàng tháng, ngày trả nợ gốc của kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày kết thúc thời hạn vay là ngày 11/01/2021. Ông L và bà T đã trả cho Ngân hàng số vốn gốc là 595.000.000 đồng, còn nợ vốn gốc là 255.000.000 đồng và tiền lãi (tạm tính đến 03/7/2020) là 31.124.699 đồng (gồm 27.479.084 đồng lãi trong hạn, 3.645.615 đồng lãi quá hạn)

- Ngày 06/12/2017, bà Võ Thị Mỹ T ký hợp đồng tín dụng số: 17289/2017 – HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH về việc Ngân hàng cho bà T vay số tiền 1.750.000.000 đồng, mục đích vay: Bù đắp chi phí mua tàu TG-92224-TS và thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân (06/12/2017), số tiền nợ gốc được hoàn trả định kỳ 03 tháng/lần; số tiền lãi trả hàng tháng, ngày trả nợ gốc của kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày kết thúc thời hạn vay là ngày 06/12/2024. ông L và bà T đã trả cho Ngân hàng số vốn gốc là 425.000.000 đồng, còn nợ vốn gốc là 1.325.000.000 đồng và tiền lãi (tạm tính đến 03/7/2020) là 129.364.727 đồng (gồm 126.184.933 đồng lãi trong hạn, 3.179.794 đồng lãi quá hạn);

- Ngày 09/02/2018, bà Võ Thị Mỹ T ký hợp đồng tín dụng số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760 về việc Ngân hàng cho bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bù đắp chi phí tu bổ sửa chữa tàu TG-92224-TS và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên (09/02/2018), số tiền nợ gốc được hoàn trả định kỳ 03 tháng/lần; số tiền lãi trả hàng tháng, ngày trả nợ gốc của kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày kết thúc thời hạn vay là ngày 09/02/2023. Ông L và bà T đã trả cho Ngân hàng số vốn gốc là 300.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi (tạm tính đến 03/7/2020) là 67.008.217 đồng (gồm 63.901.370 đồng lãi trong hạn, 3.106.848 đồng lãi quá hạn);

+ Ngày 05/9/2018 bà Võ Thị Mỹ T ký hợp đồng tín dụng số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760 về việc Ngân hàng cho bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay: Bù đắp chi phí khai thác thủy sản và thời hạn vay 06 tháng, số tiền nợ gốc trả theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng/lần; số tiền lãi trả hàng tháng, ngày trả nợ gốc của kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày kết thúc thời hạn vay. Ông L và bà T chưa trả cho Ngân hàng được khoản tiền vốn nào, còn nợ vốn gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi (tạm tính đến 03/7/2020) là 67.317.308 đồng (gồm 46.679.774 đồng lãi trong hạn, 20.637.534 đồng lãi quá hạn);

- Ngày 29/5/2019, bà Võ Thị Mỹ T và ông Huỳnh Văn L ký hợp đồng tín dụng số: 19138/2019 – HĐCVHM/NHCT760 về việc Ngân hàng cho bà T vay số tiền 650.000.000 đồng, mục đích vay: Bù đắp chi phí khai thác thủy sản và thời hạn vay

12 tháng, số tiền nợ gốc trả theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng/lần; số tiền lãi trả hàng tháng, ngày trả nợ gốc của kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày kết thúc thời hạn vay. Ông L và bà Trìn đã trả cho Ngân hàng số vốn gốc là 505.000.000 đồng, còn nợ vốn gốc là 145.000.000 đồng và tiền lãi (tạm tính đến 03/7/2020) là 16.071.850 đồng (gồm 11.202.192 đồng lãi trong hạn, 4.869.658 đồng lãi quá hạn);

Từ tháng 8 năm 2019 đến nay, ông L và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo các kỳ tiếp theo của các hợp đồng tín dụng nêu trên;

Tuy các hợp đồng tín dụng số: 007/2016 – HĐTD/NCT760; số 17289/2017–HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH; số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760; số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760 bà T là người ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng nhưng vào các ngày 04/01/2016, 27/11/2017, 31/8/2018 ông Huỳnh Văn L ủy quyền cho bà Võ Thị Mỹ T nhân danh và đại diện ông để ký kết các hợp đồng vay và tại Biên bản làm việc vào ngày 31/12/2019, ông L cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi như Ngân hàng yêu cầu. Do đó, ông L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự

Như vậy xác định ông L và bà T đã vi phạm nghĩa của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Ngân hàng khởi kiện ông L và bà T là có căn cứ.

[2.3]. Về thời gian chậm thanh toán và lãi suất phát sinh:

Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã nhiều lần lập biên bản làm việc về việc xử lý nợ quá hạn và lời thừa nhận của ông L, bà T trong quá trình tố tụng. Như vậy, xác định ông L và bà T đã vi phạm những nội dung được quy định điểm a mục 9.1 Điều 9 của hợp đồng tín dụng số: 007/2016 – HĐTD/NCT760; số: 19138/2019–HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH; số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760; số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760 và điểm a mục 8.01 Điều 8 của hợp đồng tín dụng số số 17289/2017– HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH quy định về “CHẤM DỨT CHO VAY VÀ THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN” nên Ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông L và bà T yêu cầu trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ.

Vì vậy ông L và bà T phải hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền gốc và lãi còn nợ đến ngày Tòa án xét xử (03/7/2020) là 3.235.886.802 đồng (Ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm lẻ hai đồng); trong đó: Nợ gốc: 2.925.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tổng nợ lãi: 310.886.802 (Ba trăm mười triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm lẻ hai đồng); Trong đó: Lãi trong hạn: 275.447.353 đồng; Lãi quá hạn: 35.439.449 đồng. Việc Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện và yêu cầu Ông L, bà T có trách nhiệm hoàn trả là hoàn toàn phù hợp với quy định Điều 351 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.4] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo thực hiện khoản vay ông L và bà T ký kết với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 8, diện tích 58.6m² (đất ở tại đô thị), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00444 QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Võ Thị Mỹ T (theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 261-01/2015/HĐTC ngày 23/11/2015); Tàu cá số đăng ký TG-91114 –TS theo giấy chứng nhận tàu cá số 51/2017 do Chi cục Thủy sản T cấp ngày 19/01/2017 cho ông Huỳnh Văn L (theo hợp đồng thế chấp động sản số 007/2016/HĐTC ngày 11/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 007/2016/HĐTC – SDDBS/NHCT760 ngày 11/4/2017); Tàu cá số đăng ký TG-92224 –TS theo giấy chứng nhận tàu cá số 44/2018 do Chi cục Thủy sản T cấp ngày 01/02/2018 cho ông Huỳnh Văn L (theo hợp đồng thế chấp động sản số 17289/2017/HĐTC/NHCT760 ngày 01/12/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 17289/2017/HĐTC/NHCT760- SĐBS01 ngày 07/02/2018) để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với các khoản vay như trên.

Đối với Hợp đồng thế chấp bất động sản số 261-01/2015/HĐTC ngày 23/11/2015 là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 8, diện tích 58.6m² (đất ở tại đô thị), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00444 QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Võ Thị Mỹ T. Tại thời điểm thế chấp, ông Huỳnh Văn L có văn bản cam kết về tài sản được Văn phòng Công chứng P, tỉnh Tiền Giang công chứng số 001766, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2015 nội dung, quyền sử dụng đất của thửa đất số 27, tờ bản đồ số 8 là tài sản riêng của bà Võ Thị Mỹ T, anh Huỳnh Văn Mới, chị Huỳnh Thị Như T chưa thành niên nên việc thỏa thuận của ông L và bà T là phù hợp với quy định tại Điều 212, Điều 136 của Bộ luật dân sự.

Đối với hợp đồng thế chấp động sản số 007/2016/HĐTC ngày 11/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 007/2016/HĐTC – SDDBS/NHCT760 ngày 11/4/2017 do bà Võ Thị Mỹ T ký kết với Ngân hàng nhưng ngày 22/12/2015 ông Huỳnh Văn L đã lập hợp đồng ủy quyền cho bà T được quyền thay mặt và nhân danh ông thực hiện các công việc liên quan đến việc thế chấp phần sở hữu của tàu cá số đăng ký TG-9114-TS, được Văn phòng Công chứng Phú Mỹ, tỉnh Tiền Giang công chứng số 001933, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD nên phát sinh hiệu lực

Do vậy, Hợp đồng thế chấp số: 261-01/2015/HĐTC ngày 23/11/2015; số 007/2016/HĐTC ngày 11/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 007/2016/HĐTC – SDDBS/NHCT760 ngày 11/4/2017; Hợp đồng thế chấp số 17289/2017/HĐTC/NHCT760 ngày 01/12/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 17289/2017/HĐTC/NHCT760- SĐBS01 ngày 07/02/2018 là hợp pháp. Do ông L và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp. Ông L, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Việc lập hồ sơ, tiến hành xét xử của Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm nên Viện kiểm sát không có kiến nghị. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463, 466; Điều 288, Điều 299, khoản 7 Điều 320, Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C;

- Buộc ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị Mỹ T có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C tính đến ngày 03/7/2020 là 3.235.886.802 đồng (Ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm lẻ hai đồng), gồm: vốn gốc là 2.925.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 310.886.802 (Ba trăm mười triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm lẻ hai đồng); Trong đó: Lãi trong hạn: 275.447.353 đồng; Lãi quá hạn: 35.439.449 đồng theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 007/2016 – HĐTD/NCT760 ngày 11/01/2016, còn nợ vốn gốc là 255.000.000 đồng và tiền lãi là 31.124.699 đồng (gồm 27.479.084 đồng lãi trong hạn, 3.645.615 đồng lãi quá hạn);

+ Hợp đồng tín dụng số: 17289/2017– HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH ngày 06/12/2017, còn nợ vốn gốc là 1.325.000.000 đồng và tiền lãi là 129.364.727 đồng (gồm 126.184.933 đồng lãi trong hạn, 3.179.794 đồng lãi quá hạn);

+ Hợp đồng tín dụng số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760 ngày 09/02/2018, còn nợ vốn gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 67.008.217 đồng (gồm 63.901.370 đồng lãi trong hạn, 3.106.848 đồng lãi quá hạn);

+ Hợp đồng tín dụng số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 05/9/2018, còn nợ vốn gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 67.317.308 đồng (gồm 46.679.774 đồng lãi trong hạn, 20.637.534 đồng lãi quá hạn);

+ Hợp đồng tín dụng số: 19138/2019 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 29/5/2019, còn nợ vốn gốc là 145.000.000 đồng và tiền lãi là 16.071.850 đồng (gồm 11.202.192 đồng lãi trong hạn, 4.869.658 đồng lãi quá hạn);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, ông L và bà T còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số: 007/2016 – HĐTD/NCT760 ngày 11/01/2016, số: 17289/2017– HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH ngày 06/12/2017, số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760 ngày 09/02/2018, số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 05/9/2018, số: 19138/2019 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 29/5/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay phải tiếp tục thanh toán thực hiện theo các hợp đồng tín dụng 007/2016 – HĐTD/NCT760 ngày 11/01/2016, số: 17289/2017– HĐCVTL/NHCT760- VTMTRINH ngày 06/12/2017, số: 10852/2018 – HĐCVTL/NHCT760 ngày 09/02/2018, số: 18245/2018 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 05/9/2018, số: 19138/2019 – HĐCVHM/NHCT760 ngày 29/5/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông L và bà T chậm thi hành trả số tiền nợ gốc và lãi trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 8, diện tích 58.6m² (đất ở tại đô thị), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00444 QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Võ Thị Mỹ T (theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 261-01/2015/HĐTC ngày 23/11/2015); Tàu cá số đăng ký TG-91114 –TS theo giấy chứng nhận tàu cá số 51/2017 do Chi cục Thủy sản T cấp ngày 19/01/2017 cho ông Huỳnh Văn L (theo hợp đồng thế chấp động sản số 007/2016/HĐTC ngày 11/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 17289/2017/HĐTC/NHCT760- SĐBS01 ngày 07/02/2018); Tàu cá số đăng ký TG-92224 –TS theo giấy chứng nhận tàu cá số 44/2018 do Chi cục Thủy sản T cấp ngày 01/02/2018 cho ông Huỳnh Văn L (theo hợp đồng thế chấp động sản số 17289/2017/HĐTC/NHCT760 ngày 01/12/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 17289/2017/HĐTC/NHCT760- SĐBS01 ngày 07/02/2018) để cản trừ nợ.

2. Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị Mỹ T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 96.717.736 đồng (Chín mươi sáu triệu bảy trăm mười bảy nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng);

- Ngân hàng Thương mại cổ phần C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 46.190.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu một trăm chín chục nghìn đồng) theo biên lai số 47184 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Vũ

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Vũ

